

Số: 01-22/NQ-ĐHĐCĐ

Thừa Thiên Huế, ngày 20 tháng 4 năm 2022

**NGHỊ QUYẾT
CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Tại phiên họp thường niên năm 2022**

**ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 của Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty CPĐS Bình Trị Thiên;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 của Công ty Cổ phần Đường sắt Bình Trị Thiên ngày 19 tháng 4 năm 2022, đã được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông thông nhất thông qua các nội dung tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022, như sau:

1. Thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả thực hiện hoạt động SXKD năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
2. Thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả thực hiện năm 2021 và Kế hoạch SXKD năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
3. Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2021 và phương hướng nhiệm vụ năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
4. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán (báo cáo tóm tắt), với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%.
5. Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%, cụ thể như sau:

5.1. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		Tỷ lệ % TH 2021/ KH 2021
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500,00	18.500,00	100,00%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	256.047,00	257.679,76	100,60%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	232.829,00	234.184,53	100,58%



T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		Tỷ lệ % TH 2021/ KH 2021
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
	- Sản phẩm Bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS	Tr.đ	137.223,00	138.020,01	100,58%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	95.606,00	95.932,31	100,71%
	- Doanh thu tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ		232,20	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.483,00	5.515,85	100,60%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.386,00	4.395,39	100,21%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,00%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,00%

5.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % KH 2022/ TH 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500,00	18.500,00	100,00%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	257.679,76	203.058,21	78,83%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	234.184,53	187.368,71	80,00%
	Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	Tr.đ	138.020,01	152.368,71	110,40%
	Sản phẩm khác	Tr.đ	95.932,31	35.000,00	36,48%
	Hoạt động TC + Thu nhập khác	Tr.đ	232,20		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.515,85	4.670,10	84,67%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.395,39	3.736,08	85,00%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,00%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,00%
8	Thu nhập bình quân/người/tháng	Tr.đ	10,8	9,9	91,16%

6. Thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành (Người quản lý Công ty), với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%, cụ thể như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022	Tỷ lệ % KH 2022/ TH 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
I	Tiền lương		1.776,6	1.824,9	1.758,96	96,38%
1	Chủ tịch HĐQT	01	340,2	340,2	336,84	99,0%
2	Giám đốc	01	315,0	315,0	311,88	99,0%

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022	Tỷ lệ % KH 2022/ TH 2021
			Kế hoạch	Thực hiện		
3	Phó giám đốc (thực hiện năm 2021 = 2,17 người; kế hoạch năm 2022 = 02 người)	02	579,6	627,9	573,84	92,30%
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	277,2	277,2	274,44	99,0%
5	Kế toán trưởng	01	264,6	264,6	261,96	99,0%
II	Thù lao		40,8	40,8	40,8	100,0%
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24,0	24,0	24,0	100,0%
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8	100,0%
	Tổng cộng (I+II)		1.817,4	1.865,7	1.799,76	96,46%

7. Thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2022, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%, cụ thể như sau:

7.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

T	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	4.395.396.530	3.736.080.000
a.	Trả cổ tức (năm 2021: 11% ; Năm 2022 : 11%)	đồng	2.035.000.000	2.035.000.000
b.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	708.118.000	510.324.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	1.480.278.530	1.042.706.000
d.	Trích quỹ thưởng Người quản lý	đồng	172.000.000	148.050.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

7.2. Chi trả cổ tức năm 2021.

- Tỷ lệ trả cổ tức: 11% (1.100 đồng/cổ phiếu).
- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

8. Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, với tỷ lệ biểu quyết tán thành là 100%, danh sách đơn vị kiểm toán gồm:

8.1. Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ:

P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

8.2. Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

8.3. Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303,C7, KĐT Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các công ty kiểm toán theo đề xuất của Ban kiểm soát và giao cho Giám đốc ký hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC năm 2022 của Công ty.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông giao cho:

1. Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện Nghị quyết đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đảm bảo theo đúng pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 3. Nghị quyết này được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên năm 2022 và có hiệu lực ngay sau khi kết thúc phiên họp.

Điều 4. Các cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Trang TTĐT Công ty;
- Lưu: Tài liệu đại hội.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**



Võ Dũng



BIÊN BẢN
HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN

Hôm nay vào hồi 07^h45 ngày 19/4/2022, tại trụ sở chính của Công ty - Số 18 Bảo Quốc, TP Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên đã tổ chức phiên họp thường niên năm 2022, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN THAM DỰ, TÍNH HỢP LỆ CỦA PHIÊN HỌP

1. Khai mạc và thành phần tham dự phiên họp

ĐHĐCĐ đã nghe ông **Trần Anh Tuấn** - Thay mặt Ban tổ chức khai mạc phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và giới thiệu thành phần tham dự họp gồm có:

- Về phía cổ đông lớn Tổng công ty Đường sắt Việt Nam:

Ông: Đặng Sỹ Mạnh – Tổng giám đốc Tổng công ty Đường sắt Việt Nam, cùng Đoàn công tác của Tổng công ty Đường sắt Việt Nam.

- Cổ đông phổ thông:

Có 84 cổ đông sở hữu và đại diện cổ đông của Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên.

2. Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông

ĐHĐCĐ đã nghe ông **Nguyễn Ích Lân** - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông.

- Tổng số cổ đông được quyền dự họp: 575 cổ đông, tổng số cổ phần sở hữu: 1.850.000 cổ phần có quyền biểu quyết, tương ứng 100% vốn điều lệ.

- Tổng số cổ đông tham dự và uỷ quyền tham dự: 84 cổ đông sở hữu và đại diện là 1.836.486, chiếm 99,26% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông không tham dự và không uỷ quyền (Công ty đã gửi thông báo mời họp): 11 cổ đông, với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là 13.514 cổ phần, chiếm 0,74% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Tổng số cổ đông đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ: 84 cổ đông.

- Tổng số cổ đông không đủ tư cách tham dự ĐHĐCĐ: 0 cổ đông.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 và Điều lệ Công ty Cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên. Phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 Công ty cổ phần đường sắt Bình Trị Thiên là hợp pháp, hợp lệ và đủ điều kiện tiến hành.

3. Thông qua nguyên tắc và thể lệ biểu quyết

ĐHĐCĐ đã nghe ông **Nguyễn Ích Lân** - Trưởng ban kiểm tra tư cách cổ đông trình bày Nguyên tắc và thể lệ biểu quyết tại phiên họp. ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua với tỷ lệ 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.



II. NỘI DUNG CHÍNH

1. Bầu Ban Chủ tọa phiên họp

ĐHĐCĐ đã bầu Ban Chủ tọa để điều hành phiên họp, với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, gồm các Ông sau:

- Ông Võ Dũng Chủ tịch HĐQT
- Ông: Lê Hồng Hải Thành viên HĐQT - Giám đốc Công ty
- Ông Đặng Văn Thanh Thành viên HĐQT

2. Cử thư ký phiên họp

Ban Chủ tọa đã cử thư ký để ghi chép diễn biến phiên họp ĐHĐCĐ gồm:

- Ông Nguyễn Hữu Tuyển Trưởng ban;
- Ông Nguyễn Vĩnh Hoàng Thành viên;

3. Bầu Ban kiểm phiếu phiên họp

ĐHĐCĐ đã bầu Ban Kiểm phiếu để kiểm phiếu biểu quyết tại phiên họp, với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội, gồm các Ông sau:

- Ông Trần Anh Tuấn Trưởng ban
- Ông Lê Chí Phúc Ủy viên
- Ông Lê Nguyên Huy Ủy viên

4. Thông qua Chương trình họp ĐHĐCĐ và Quy chế họp ĐHĐCĐ

ĐHĐCĐ đã nghe ông **Đặng Văn Thanh** - Thay mặt Ban Chủ tọa trình bày Chương trình họp, Quy chế họp. ĐHĐCĐ đã biểu quyết thông qua Chương trình họp và Quy chế họp, với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

5. Báo cáo của Giám đốc, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

- ĐHĐCĐ đã nghe ông **Lê Hồng Hải** - Giám đốc Công ty trình bày Báo cáo về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022.

- ĐHĐCĐ đã nghe ông **Võ Dũng** - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

- ĐHĐCĐ đã nghe ông **Nguyễn Hữu Tuyển** - Trưởng Ban kiểm soát trình bày Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

- ĐHĐCĐ đã nghe Bà **Trương Thị Mai** - Kế toán trưởng, thay mặt Ban điều hành trình bày tóm tắt Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán.

6. Phát biểu của lãnh đạo Công ty mẹ

Ông Đặng Sỹ Mạnh Tổng giám đốc, Công ty mẹ Tổng công ty Đường sắt Việt Nam phát biểu về một số định hướng, chiến lược của ngành Đường sắt trong thời gian tới, làm cơ sở để Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022.

7. Các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua

ĐHĐCĐ đã nghe ông Lê Hồng Hải thay mặt HĐQT trình bày Tờ trình về các

nội dung thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ thông qua, gồm các nội dung:

- Thông qua các Báo cáo: Báo cáo của Giám đốc, Báo cáo của HĐQT, Báo cáo của Ban kiểm soát, Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán;

- Thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022;

- Thông qua tiền lương, thù lao thực hiện năm 2021 và kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành;

- Thông qua việc phân phối lợi nhuận 2021 và kế hoạch phân phối lợi nhuận 2022;

- Thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của năm 2022;

8. Thảo luận nội dung các Báo cáo, Tờ trình

ĐHĐCĐ đã thảo luận nội dung các Báo cáo, Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông đã thống nhất nội dung các Báo cáo, tờ trình đã được trình bày, giải trình tại phiên họp và không có ý kiến khác.

9. Biểu quyết thông qua nội dung các Báo cáo, Tờ trình:

9.1. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Giám đốc về kết quả hoạt động SXKD năm 2021 và kế hoạch SXKD năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.2. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của HĐQT về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.3. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả hoạt động năm 2021 và kế hoạch hoạt động năm 2022.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.4. Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán AFC Việt nam - Chi nhánh phía Bắc.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ

phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.5. Đại hội đồng cổ đông thông qua kết quả Sản xuất kinh doanh 2021 và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, như sau:

9.5.1 kết quả sản xuất kinh doanh năm 2021

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2021		Tỷ lệ % TH 2021/ KH 2021
			Kế hoạch ĐHĐCĐ giao	Thực hiện	
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	256.047,00	257.679,76	100,60%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	232.829,00	234.184,53	100,58%
	- Sản phẩm Bảo dưỡng thường xuyên KCHT ĐS	Tr.đ	137.223,00	138.020,01	100,58%
	- Sản phẩm khác	Tr.đ	95.606,00	95.932,31	100,71%
	- Doanh thu tài chính + Thu nhập khác	Tr.đ		232,20	
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.483,00	5.515,85	100,60%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.386,00	4.395,39	100,21%
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,0%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,0%

9.5.2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty năm 2022.

T T	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % KH 2022/ TH 2021
1	Vốn điều lệ	Tr.đ	18.500	18.500	100%
2	Tổng giá trị sản lượng	Tr.đ	257.679,76	203.058,21	78,83%
3	Tổng doanh thu	Tr.đ	234.184,53	187.368,71	80,00%
	Sản phẩm quản lý, bảo trì KCHT đường sắt	Tr.đ	138.020,01	152.368,71	110,40%
	Sản phẩm khác	Tr.đ	95.932,31	35.000,00	36,48%
	Hoạt động TC + Thu nhập khác	Tr.đ	232,20		
4	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	5.515,85	4.670,10	84,67%
5	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	4.395,39	3.736,08	85,00%

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2021	Kế hoạch 2022	Tỷ lệ % KH 2022/ TH 2021
6	Lợi nhuận chia cổ tức	Tr.đ	2.035,00	2.035,00	100,00%
7	Tỷ lệ trả cổ tức	%	11,0	11,0	100,00%

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.6. Đại hội đồng cổ đông thông qua Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021 và Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, như sau:

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đối tượng	Số người	Quyết toán tiền lương, thù lao năm 2021		Kế hoạch tiền lương, thù lao năm 2022
			Kế hoạch	Thực hiện	
I	Tiền lương		1.776,6	1.824,9	1.758,96
1	Chủ tịch HĐQT	01	340,2	340,2	336,84
2	Giám đốc	01	315,0	315,0	311,88
3	Phó giám đốc (thực hiện năm 2021 = 2,17 người; kế hoạch năm 2022 = 02 người)	02	579,6	627,9	573,84
4	Trưởng Ban kiểm soát	01	277,2	277,2	274,44
5	Kế toán trưởng	01	264,6	264,6	261,96
II	Thù lao		40,8	40,8	40,8
1	Thành viên HĐQT không chuyên trách	02	24	24	24,0
2	Thành viên Ban kiểm soát không chuyên trách	02	16,8	16,8	16,8
	Tổng cộng (I+II)		1.817,4	1.865,7	1.799,76

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.7. Đại hội đồng cổ đông thông qua Phân phối lợi nhuận năm 2019 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020, cụ thể như sau:

9.7.1. Phân phối lợi nhuận thực hiện năm 2021 và kế hoạch năm 2022.

T T	Chỉ tiêu	ĐV	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2022
1.	Lợi nhuận sau thuế được phép phân phối	đồng	4.395.396.530	3.736.080.000
a.	Trả cổ tức (năm 2019: 10,6% ; Năm 2020 : 11%)	đồng	2.035.000.000	2.035.000.000
b.	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng	708.118.000	510.324.000
c.	Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	đồng	1.480.278.530	1.044.176.000
d.	Trích quỹ thưởng Người quản lý	đồng	172.000.000	146.580.000
2.	Lợi nhuận còn lại chưa phân phối	đồng	0	0

10.7.2. Chi trả cổ tức năm 2021.

- Tỷ lệ trả cổ tức: 11% (1.100 đồng/cổ phiếu).

- Hình thức trả cổ tức: Chi trả bằng tiền mặt.

- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị Quyết định thời điểm chốt danh sách cổ đông, thời điểm chi trả cổ tức đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

9.8. Đại hội đồng cổ đông Thông qua danh sách đơn vị kiểm toán độc lập để lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty, danh sách đơn vị kiểm toán gồm:

- Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam - Chi nhánh phía Bắc (Địa chỉ: P.709, D11, Tòa nhà Sunrise, đường Trần Thái Tông, quận Cầu Giấy, Hà Nội).

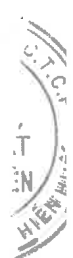
- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC (Địa chỉ: Số 01 Lê Phụng Hiểu, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội).

- Công ty TNHH Tư vấn thuế, kế toán & kiểm toán AVINA-IAFC (Địa chỉ: Phòng 303,C7, Khu đô thị Mỹ Đình 1, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội).

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %



+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

10. ĐHĐCĐ chấp thuận nội dung Biên bản và Nghị quyết phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 được gửi tới cổ đông thông qua trang điện tử của Công ty là dsbinhtrithien.vn.

Kết quả biểu quyết:

+ Tán thành: 1.836.486 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội

+ Không tán thành: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

+ Không có ý kiến: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0,0 %

11. Nội dung phát sinh ngoài chương trình họp đã được ĐHĐCĐ thông qua: Không có

Biên bản này được lập hồi 09h10' ngày 19/4/2022 và đã được Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua tại phiên họp với tỷ lệ tán thành là 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội.

**TM. BAN THƯ KÝ
TRƯỞNG BAN**

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA - CHỦ TỊCH HĐQT**

Nguyễn Hữu Tuyên



Võ Dũng

**DANH SÁCH ĐẠI BIỂU THAM DỰ
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG SẮT BÌNH TRỊ THIÊN**

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ đơn vị công tác	TS cổ phần	Ký xác nhận
		Nam	Nữ			
1	Võ Dũng	1965		Bí thư, Chủ tịch HĐQT công ty	496.500	
2	Lê Hồng Hải	1974		Giám đốc Công ty	474.430	
3	Đặng Văn Thanh	1963		Phó giám đốc Công ty	7.120	
4	Trần Anh Tuấn	1980		Phó giám đốc Công ty	14.890	
5	Võ Ry	1964		Chủ tịch Công đoàn Công ty	2.440	
6	Nguyễn Hữu Tuyển	1977		Trưởng Ban Kiểm soát	1.660	
7	Trương Thị Mai		1972	Kế toán trưởng Công ty	34.620	
8	Phan Thị Hồng Thơm		1991	CV Phòng Kế toán	5.450	
9	Nguyễn Ích Lân	1966		Trưởng phòng TC-HC	45.290	
10	Lê Chí Phúc	1966		Phó phòng TC-HC	2.480	
11	Nguyễn Xuân Kiệm	1973		CV phòng TC-HC	4.400	
12	Bùi Thị Thoa		1968	Nhân viên phòng TC-HC	2.560	
13	Nguyễn Bá Phúc	1974		Trưởng phòng Kỹ thuật - An toàn	27.130	
14	Trần Khắc Tùng	1987		CV phòng Kỹ thuật - An toàn	810	
15	Nguyễn Vĩnh Hoàng	1967		Phó phòng Kỹ thuật - An toàn	5.040	
16	Hồ Văn Lộc	1977		CV phòng Kỹ thuật - An toàn	3.520	
17	Hoàng Trọng Phước	1962		Phó phòng Kế hoạch - Kinh doanh	30.520	
18	Trần Hoàng Hải	1990		CV phòng KHKD	810	
19	Châu Viết Nam	1979		CV Thủ kho, phòng KHKD Công ty	1.220	
20	Nguyễn Minh Phong	1966		Giám đốc Xí nghiệp	46.970	
21	Nguyễn Thị Thanh Dung		1988	Kế toán Xí nghiệp	3.240	
22	Lê Nguyên Huy	1987		BTĐTN Công ty, KTV xí nghiệp	900	
23	Võ Trục Khuyên	1986		Phân xưởng Trưởng Phân xưởng CT	400	
24	Phạm Thành Công	1981		Phân xưởng Trưởng phân xưởng CK	960	
25	Nguyễn Trọng An	1985		Phân xưởng Phó phân xưởng Cơ khí	640	
26	Nguyễn Văn Phương	1985		Tổ trưởng tổ công đoàn PXCK	10.120	
27	Nguyễn Văn Thuyết	1972		TK -KH - VT đội QLĐS II	6.720	
28	Nguyễn Ngọc Thông	1984		Cung phó Cung cầu đường 580	800	
29	Phạm Ngọc Lợi	1983		Bí thư ĐTN đội QLĐS II	1.120	
30	Lê Đình Thế	1982		Cung trưởng Cung cầu đường Tiên An	8.880	
31	Phan Văn Huân	1982		Cung phó Cung cầu đường Tiên An	6.490	
32	Nguyễn Đức Thành	1975		Cung trưởng Cung cầu đường HT	1.920	
33	Trần Thị Thu		1987	Công nhân Cung cầu đường Hà Thanh	4.020	
34	Hoàng Đăng Cử	1963		Đội trưởng đội QLĐS II	114.790	
35	Nguyễn Thị Vân Anh		1984	Tổ trưởng Nữ công đội QLĐS II	880	
36	Hồ Quý Lãnh	1962		Đội trưởng đội QLĐS III	173.436	

M.S.D.N. 33002
CÔNG
CỔ P
ĐƯỜNG
BÌNH TR
THUẬN TỈNH T

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ đơn vị công tác	TS cổ phần	Ký xác nhận
		Nam	Nữ			
37	Nguyễn Văn Bảy	1968		Đội phó đội QLĐS III	4.840	<i>[Signature]</i>
38	Nguyễn Quang Sáng	1968		TK -KH - VT đội QLĐS III	1.960	<i>[Signature]</i>
39	Nguyễn Thế Lâm	1981		Tổ trưởng CĐ Cung cầu đường Đông Hà	1.460	<i>[Signature]</i>
40	Nguyễn Quốc Quân	1982		Cung trưởng Cung cầu đường Quảng Trị	950	<i>[Signature]</i>
41	Nguyễn Đăng Phước	1992		Công nhân Cung cầu đường Quảng Trị	480	<i>[Signature]</i>
42	Trương Xuân Tri	1972		Cung trưởng Cung cầu đường Diên Sanh	2.250	<i>[Signature]</i>
43	Nguyễn Phước Toàn	1989		Cung phó Cung cầu đường Diên Sanh	1.210	<i>[Signature]</i>
44	Trần Ngọc Châu	1983		Cung trưởng Cung cầu đường Mỹ Chánh	1.450	<i>[Signature]</i>
45	Nguyễn Quang Trường	1989		Cung trưởng Cung cầu đường Mỹ Chánh	480	<i>[Signature]</i>
46	Nguyễn Khắc Thanh	1979		Cung trưởng cung chắn Đông Hà	1.690	<i>[Signature]</i>
47	Trần Thị Huyền		1987	Tổ trưởng Nữ công đội QLĐS III	1.340	<i>[Signature]</i>
48	Nguyễn Tấn Đạt	1974		Cung trưởng Cung cầu đường Đông Hà	1.600	<i>[Signature]</i>
49	Nguyễn Lâm	1988		Công nhân Cung cầu đường Quảng Trị	80	<i>[Signature]</i>
50	Tạ Quang Hiến	1985		Cung phó cung chắn Đông Hà	1.420	<i>[Signature]</i>
51	Hồ Văn Phương	1972		Đội trưởng Đội QLĐS IV	136.350	<i>[Signature]</i>
52	Lê Thị Tuyết Nhung		1981	TK -KH - VT đội QLĐS IV	4.010	<i>[Signature]</i>
53	Kiều Cao Long	1975		Cung trưởng Cung cầu Hiền sỹ	1.600	<i>[Signature]</i>
54	Phan Thanh Trung	1985		Tổ trưởng CĐ Cung cầu đường P.Tr	480	<i>[Signature]</i>
55	Võ Văn Doan	1969		Cung trưởng Cung cầu đường Văn Xá	1.850	<i>[Signature]</i>
56	Nguyễn Đức Toàn	1984		Cung trưởng Cung cầu đường Huế	720	<i>[Signature]</i>
57	Nguyễn Minh Thắng	1980		Cung phó Cung cầu đường Huế	1.120	<i>[Signature]</i>
58	Lê ánh Quang	1984		Cung phó Cung cầu đường Hương Thủy	490	<i>[Signature]</i>
59	Hoàng Xuân Đông	1968		Cung trưởng Cung chắn Huế	2.240	<i>[Signature]</i>
60	Nguyễn Văn Bảo	1979		Cung phó Cung chắn Huế	120	<i>[Signature]</i>
61	Trần Quang	1998		Bí thư LCĐ TNCS HCM đội QLĐS IV	240	<i>[Signature]</i>
62	Trương Công Nghệ	1974		Cung phó Cung cầu đường Huế	1.520	<i>[Signature]</i>
63	Hồ Văn Hùng	1978		Cung trưởng Cung cầu đường Phò Trạch	1.290	<i>[Signature]</i>
64	Dương Thanh Sơn	1981		Cung phó cung cầu đường Hiền sỹ	800	<i>[Signature]</i>
65	Dương Bá Viễn	1987		Cung phó Cung cầu đường Văn Xá	560	<i>[Signature]</i>
66	Châu Văn Quý	1974		Cung trưởng cung cầu đường HT	1.760	<i>[Signature]</i>
67	Ngô Hữu Diễn	1972		Cung phó Cung cầu đường HT	1.200	<i>[Signature]</i>
68	Nguyễn Hữu Thu	1971		Đội trưởng Đội QLĐS V	95.430	<i>[Signature]</i>
69	Nguyễn Kim Vinh	1975		Đội phó đội QLĐS V	1.600	<i>[Signature]</i>
70	Nguyễn Ngọc Nhân	1985		TK -KH - VT đội QLĐS V	320	<i>[Signature]</i>
71	Nguyễn Viết Hoài	1972		Cung trưởng Cung cầu đường Nong	1.920	<i>[Signature]</i>
72	Hoàng Hữu Hân	1978		Cung trưởng Cung cầu đường Đá Bạc	1.280	<i>[Signature]</i>
73	Nguyễn Văn Thanh	1975		Cung trưởng Cung cầu đường Truồi	1.680	<i>[Signature]</i>
74	Nguyễn Thị Mỹ Liên		1978	Tổ trưởng nữ công, đội QLĐS V	960	<i>[Signature]</i>
75	Hà Lê Dũng	1973		Cung phó Cung cầu đường Truồi	1.520	<i>[Signature]</i>
76	Phan Lôi	1976		Cung trưởng Cung cầu đường Cầu Hai	1.360	<i>[Signature]</i>
77	Lê Thanh Long	1989		Cung phó Cung cầu đường Đá Bạc	240	<i>[Signature]</i>
78	Nguyễn Bảo Ngọc	1990		Cung phó Cung cầu đường Cầu Hai	640	<i>[Signature]</i>
79	Nguyễn Thanh Hà	1968		Cung trưởng Cung cầu đường Thừa Lưu	2.240	<i>[Signature]</i>
80	Trần Văn Kiểm	1982		Cung phó Cung cầu đường Thừa Lưu	640	<i>[Signature]</i>

9508
; TY
I AN
3 SA
I THIE
+UA

TT	Họ và tên	Năm sinh		Chức vụ đơn vị công tác	TS cổ phần	Ký xác nhận
		Nam	Nữ			
81	Hồ Xuân Trường	1974		Cung trưởng Cung cầu đường Lăng Cô	1.600	
82	Lê Văn Chiến	1974		Cung phó Cung cầu đường Lăng Cô	2.000	
83	Trần Đức Nguyên	1969		Cung phó Cung cầu đường Lăng Cô	2.080	
84	Trần Tuấn Anh	1989		Tổ trưởng CĐ cung cầu đường Đá Bạc	240	
	Tổng cộng				1.836.486	

Danh sách gồm có: 84 đại biểu

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**




Võ Dũng

